

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 333/2025/LĐ-ST

Ngày: 30 – 6 – 2025

V/v tranh chấp về yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động vô
hiệu

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến – Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An;

2. Ông Huỳnh Văn Thức - Công chức Tư pháp phường Thuận Giao, thành phố Thuận An.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Giang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 68/2025/TLST-LĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2025/QĐXXST-LĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L năm 1991; địa chỉ thường trú: 2 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH M1 chỉ: Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà SONG SELENA - Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Hồng Sương M năm 1993; địa chỉ thường trú: Tổ D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo Hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; trụ sở: Khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh H đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**) Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trình bày:*

Do có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà có đến liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương để rút bảo hiểm theo đúng quy định. Sau đó, bà được Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương thông báo thời điểm từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 6 năm 2010 bà có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH M2 nên Công ty TNHH M2 có thực hiện đóng bảo hiểm lao động cho bà vào thời gian trên. Tuy nhiên, trên thực tế khoảng thời điểm nêu trên bà đang làm việc cho công ty khác nên cùng một khoảng thời gian nhưng bà được đóng bảo hiểm tại hai công ty. Do đó, đến nay bà không thể rút bảo hiểm xã hội theo đúng quy định được.

Nguyên nhân sự việc như sau: Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà Nguyễn Hồng S M là e gái họ của bà muốn đi làm kiếm thu nhập phụ giúp gia đình nhưng do chưa đủ tuổi ký kết hợp đồng lao động nên bà có cho Nguyễn Hồng S1 mượn giấy chứng minh nhân dân của mình để làm hồ sơ xin việc. Sau đó bà Nguyễn Hồng S M được Công ty TNHH M2 ký kết hợp đồng lao động với tên của bà (Nguyễn Thị Mỹ L1) và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 6 năm 2010 thì nghỉ việc.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa Nguyễn Hồng S M và Công ty TNHH M2 là sai quy định, đã vi phạm quyền tác trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà được pháp luật bảo vệ.

Do đó, bà làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương giải quyết:

Tuyên Hợ đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Nguyễn Thị Mỹ L1 (do Nguyễn Hồng S M là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH M2 trong khoản thời gian làm từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 6 năm 2010 là vô hiệu toàn bộ.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Bản sao CCCD, Sổ Bảo hiểm xã hội; Công văn xác nhận quá trình tham gia BHXH.

**) Bị đơn Công ty TNHH M2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn không đến làm việc cũng như không ủy quyền cho ai đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng*

không có văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**) Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng S M trình bày:*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định từ tháng 3 năm 2010 có mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Mỹ L1 làm hồ sơ xin việc và được tuyển dụng vào Công ty TNHH M2 với tên Nguyễn Thị Mỹ L1, được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định. Đến tháng 06/2010 bà Nguyễn Hồng S M nghỉ việc tại Công ty TNHH M2. Sau khi nghỉ việc, bà Nguyễn Hồng S M bỏ về quê và không thực hiện bất cứ quyền lợi gì liên quan đến quá trình tham gia bảo hiểm xã hội nêu trên. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L1 thì bà Nguyễn Hồng S M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bà Nguyễn Hồng S M không có ý kiến đối với việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu, không yêu cầu độc lập trong vụ án và không yêu cầu nhận lại các quyền lợi liên quan đến việc đóng bảo hiểm xã hội khi làm việc tại Công ty TNHH M2.

**) Đại diện hợp pháp của Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố Trà ông Phan Minh H1 đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) của Công ty TNHH M2 cho người lao động thì Công ty TNHH M2 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN cho bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh ngày 27/5/1991, số CCCD 074191002259, với mã số Bảo hiểm xã hội 7410099367 từ 3 năm 2010 đến tháng 6 năm 2010, đã được chốt sổ BHXH.

Đối với mã số bảo hiểm xã hội 7409259112 thì Công ty TNHH B có tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN cho bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh ngày 27/5/1991, số chứng minh nhân dân 281010169 từ tháng 9/2009 đến tháng 02/2011, đã chốt sổ BHXH.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là Công ty TNHH M1 chỉ: Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019 xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[2] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L1 với Công ty TNHH M2. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả tra cứu, đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) của Công ty TNHH M2 thể hiện Công ty TNHH M2 có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 6 năm 2010, đã chốt sổ bảo hiểm xã hội. Theo dữ liệu do BHXH thành phố T cung cấp thể hiện mức lương chính và mức đóng BHXH tương ứng với từng mốc thời gian. Do đó, có căn cứ xác định Công ty TNHH M2 có ký kết hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Mỹ L1 (do bà Nguyễn Hồng S M trực tiếp ký kết) trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 6 năm 2010.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Nguyễn Thị Mỹ L1 như sau:

Mã số Bảo hiểm xã hội 7410099367 tham gia bảo hiểm từ 3 năm 2010 đến tháng 6 năm 2010 tại Công ty TNHH M2.

Đối với mã số bảo hiểm xã hội 7409259112 tham gia bảo hiểm từ tháng 9/2009 đến tháng 02/2011 tại Công ty TNHH B.

[3.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho thấy: Bà Nguyễn Hồng S M do không hiểu biết pháp luật, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có thu nhập để giúp đỡ gia đình nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Mỹ L1 ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH M2 từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 6 năm 2010. Khi ký kết hợp đồng lao động cũng như quá trình làm việc, bà Nguyễn Hồng S M cố tình che giấu việc sử dụng hồ sơ xin việc giả nên Công ty không phát hiện nên vẫn ký hợp đồng và tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho người lao động thể hiện tại Sổ bảo hiểm xã hội số 7410099367. Thực tế, trong khoảng thời gian trên, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 cũng đang làm việc tại Công ty TNHH B1 được Công ty TNHH B2 theo Sổ

BHXXH số 7409259112, dẫn đến việc bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trong cùng một khoảng thời gian nhưng được 02 Công ty tham gia bảo hiểm xã hội với hai sổ sổ BHXXH khác nhau.

[3.3] Việc bà Nguyễn Hồng S M sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà Nguyễn Thị Mỹ L1 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M2 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994.

[3.4] Do đó, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L1 (do bà Nguyễn Hồng S1 mượn tên) với Công ty TNHH M2 trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 6 năm 2010 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[3.5] Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập trong vụ án. Mặc dù các đương sự đã được Tòa án giải thích về hậu quả của hợp đồng vô hiệu và quyền yêu cầu nhưng các đương sự không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đối với bị đơn, mặc dù đã được triệu tập nhưng không đến tham gia tố tụng nên trường hợp sau này có phát sinh tranh liên quan đến việc giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu thì được quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L1 về việc “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” đối với Công ty TNHH M2.

2. Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH M2 với bà Nguyễn Thị Mỹ L1 (do bà Nguyễn Hồng S M ký kết) trong thời gian từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 6 năm 2010 vô hiệu.

3. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Cơ quan BHXH có thẩm quyền thực hiện các chế độ BHXH đối với bà Nguyễn Thị Mỹ L ngày 27/5/1991, số CCCD 074191002259, số chứng minh nhân dân 281010169 với mã số Bảo hiểm xã hội 7409259112 và 7410099367 theo quy định pháp luật.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 tự nguyện chịu 300.000 đồng, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000833 ngày 26/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tố Uyên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thuận An, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 30 tháng 6 năm 2025

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tổ U

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Y – Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố T
2. Ông Huỳnh Văn T chức Tư pháp phường T, thành phố T

Tiến hành nghị án vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số 68/2025/TLST-LĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2025/QĐXXST-LĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L năm 1991; địa chỉ thường trú: 2 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Công ty TNHH M1 chỉ: Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà SONG SELENA - Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Hồng Sương M năm 1993; địa chỉ thường trú: Tổ D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

+ Bảo Hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; trụ sở: Khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh H đốc.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào:

Các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.

II. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L1 về việc “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” đối với Công ty TNHH M2.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.

2. Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH M2 với bà Nguyễn Thị Mỹ L1 (*do bà Nguyễn Hồng S M ký kết*) trong thời gian từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 6 năm 2010 vô hiệu.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.

3. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Cơ quan BHXH có thẩm quyền thực hiện các chế độ BHXH đối với bà Nguyễn Thị Mỹ L ngày 27/5/1991, số CCCD 074191002259, số chứng minh nhân dân 281010169 với mã số Bảo hiểm xã hội 7409259112 và 7410099367 theo quy định pháp luật.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 tự nguyện chịu 300.000 đồng, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000833 ngày 26/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THUẬN AN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**BIÊN BẢN
PHIÊN TÒA SƠ THẨM**

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

Mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 68/2025/TLST-LĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”.

Vụ án được xét xử công khai.

I. Những người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L năm 1991; địa chỉ thường trú: 2 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH M1 chỉ: Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà SONG SELENA - Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Hồng Sương M năm 1993; địa chỉ thường trú: Tổ D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo Hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; trụ sở: Khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh H đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

II. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố U

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Y – Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố T

1. 2. Ông Huỳnh Văn T chức Tư pháp phường T, thành phố T

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đình G - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh T1 – Kiểm sát viên.

III. Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa:

- Chủ tọa phiên tòa tuyên bố khai mạc phiên tòa và đọc quyết định hoãn phiên tòa.

- Thư ký Tòa án báo cáo với Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do.

- Chủ tọa hỏi ý kiến Đại diện viện kiểm sát về việc vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa. Ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có yêu cầu

giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa.

- Hội đồng xét xử thảo luận tại chỗ và quyết định tiếp tục phiên tòa.

Do tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có phần hỏi và tranh luận tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa đọc lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các chứng cứ nguyên đơn cung cấp cũng như lời trình bày của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị đại diện Viện Kiểm sát trình bày ý kiến đối với vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Kiểm sát viên: Không có.

Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để nghị án.

Hội đồng xét xử vào phòng xử án và tuyên án, chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử tuyên án theo bản án gốc đã được Hội đồng xét xử thông qua tại phòng Nghị án.

Phiên tòa kết thúc lúc 09 giờ 50 phút cùng ngày. Biên bản đã được Chủ tọa phiên tòa thông qua và thống nhất ký tên./.

**THƯ KÝ TÒA ÁN
GHI BIÊN BẢN PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Giang

Nguyễn Tố Uyên